

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Tạ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy Tạ (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 825/QĐ-UB ngày 14 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 3 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 8 năm 2017, mã số doanh nghiệp: 0100107268. Vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THUY TA JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: THUY TA., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 6 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hải Thanh	Chủ tịch
	Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên
	Bà Lương Thị Khánh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 31/5/2017)
	Bà Lê Thanh Hiền	Ủy viên
	Ông Bùi Tấn Tài	Ủy viên
	Bà Mai Khuê Anh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 31/5/2017)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Hoàng Minh Thọ	Giám đốc
	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Tới	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Hoàng Minh Thọ

Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2018

Số: 184/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Thủy Tạ**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thủy Tạ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Tạ, được lập ngày 08 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.4, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chi vượt quỹ tiền lương được duyệt của năm 2017 với số tiền 4.128.767.500 đồng, năm 2016 số tiền 2.233.100 đồng, năm 2015 với số tiền 1.934.847.500 đồng và năm 2014 là 5.760.745.504 đồng. Phần chi vượt nêu trên đang theo dõi tại khoản mục Phải thu khác tại 31 tháng 12 năm 2017.

**Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng Lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Đình Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2018

---

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.851.435.650</b>	<b>39.108.383.107</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>3.206.687.870</b>	<b>5.515.729.520</b>
1. Tiền	111		3.206.687.870	5.515.729.520
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.708.656.789</b>	<b>11.883.812.560</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.251.413.345	2.208.061.761
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	276.300.000	1.381.378.352
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	12.205.943.444	8.319.372.447
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.000.000)	(25.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>28.619.933.531</b>	<b>20.842.131.292</b>
1. Hàng tồn kho	141		28.619.933.531	20.842.131.292
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>316.157.460</b>	<b>866.709.735</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	316.157.460	866.709.735
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.077.380.713</b>	<b>22.677.503.217</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.693.766.868</b>	<b>15.614.309.658</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	12.693.766.868	15.614.309.658
- Nguyên giá	222		55.073.105.535	57.410.388.731
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.379.338.667)	(41.796.079.073)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.7</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.883.613.845</b>	<b>6.563.193.559</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	5.883.613.845	6.563.193.559
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>65.928.816.363</b>	<b>61.785.886.324</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>18.489.706.421</b>	<b>14.554.440.126</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.966.206.414</b>	<b>12.492.273.450</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	3.376.081.831	3.052.396.878
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	744.765.074	1.012.542.968
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	8.049.032.585	7.140.018.336
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	3.758.638.662	1.287.315.268
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		37.688.262	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.523.500.007</b>	<b>2.062.166.676</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.11	81.000.000	83.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	2.442.500.007	1.979.166.676
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>47.439.109.942</b>	<b>47.231.446.198</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>47.439.109.942</b>	<b>47.231.446.198</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.317.462.202	5.206.645.075
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.121.647.740	12.024.801.123
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		6.686.020.279	5.036.992.685
<i>- LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		5.435.627.461	6.987.808.438
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>65.928.816.363</b>	<b>61.785.886.324</b>

Người lập



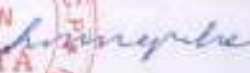
Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Điệp

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2018  
 Giám đốc

Hoàng Minh Thọ



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	102.576.703.243	110.459.410.230
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	116.937.409	104.861.233
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	102.459.765.834	110.354.548.997
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	57.547.826.681	61.140.232.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		44.911.939.153	49.214.316.284
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	5.579.989	7.793.258
7. Chi phí tài chính	22	5.19	556.826.398	347.143.711
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		556.826.398	347.143.711
8. Chi phí bán hàng	25		34.740.652.646	38.650.830.987
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.773.270.670	2.125.229.606
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		6.846.769.428	8.098.905.238
11. Thu nhập khác	31	5.20	509.890.907	1.347.741.817
12. Chi phí khác	32	5.20	99.700.806	169.509.208
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		410.190.101	1.178.232.609
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		7.256.959.529	9.277.137.847
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	1.471.332.067	1.889.329.409
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.785.627.462	7.387.808.438
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	1.812	2.087

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Điệp

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2018

Giám đốc



Hoàng Minh Thọ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	104.179.937.341	130.891.662.316
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(72.854.050.742)	(88.518.539.820)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.617.495.600)	(23.078.931.100)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(556.826.398)	(347.143.711)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.642.329.411)	(1.858.633.021)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	512.890.907	1.353.446.362
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.975.088.889)	(6.622.230.724)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>47.037.208</i>	<i>11.819.630.302</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(918.321.823)	(3.403.076.672)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	118.800.001	639.545.454
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.579.989	7.793.258
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(793.941.833)</i>	<i>(2.755.737.960)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.802.588.341	1.262.065.268
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.867.931.616)	(4.254.831.205)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.496.793.750)	(3.550.356.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(1.562.137.025)</i>	<i>(6.543.121.937)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	50	<i>(2.309.041.650)</i>	<i>2.520.770.405</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.515.729.520	2.994.959.115
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</i>	70	<i>3.206.687.870</i>	<i>5.515.729.520</i>

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Điệp

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2018

Giám đốc



Hoàng Minh Thọ

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Tạ (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 825/QĐ-UB ngày 14 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 3 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 21 tháng 7 năm 2015, mã số doanh nghiệp: 0100107268. Vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THUY TA JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: THUY TA., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 6 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	1.537.350	15.373.500.000	51,25%
Các cổ đông khác	1.462.650	14.626.500.000	48,75%
Tổng	3.000.000	30.000.000.000	100%

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ tự động, chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Sản xuất các loại bánh từ bột, chi tiết: đầu tư sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm bánh;
- Sản xuất ca cao, socola và mút kẹo, chi tiết: đầu tư sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm kẹo;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn, chi tiết: đầu tư sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm: thực phẩm chế biến;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu, chi tiết: sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, kem ăn, sản xuất kinh doanh các mặt hàng được chế biến từ động vật, thực vật, hàng thủy sản đông lạnh, sản xuất các mặt hàng chế biến từ nông lâm, hải sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: đầu tư sản xuất đồ uống sạch, đá viên, nước uống tinh khiết, sữa, các loại nước giải khát;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu, chi tiết: sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng công nghiệp, gia công các mặt hàng tiêu dùng phục vụ trong nước và xuất khẩu;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được chế biến, như kem ăn, kinh doanh các mặt hàng được chế biến từ động vật, thực vật, hàng thủy sản đông lạnh, bán buôn thực phẩm;
- Bán đồ uống, chi tiết: buôn bán rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá (không bao gồm kinh doanh quán bar), kinh doanh đồ uống sạch, đá viên, nước uống tinh khiết, sữa, các loại nước giải khát;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào, chi tiết: bán buôn thuốc lá trừ thuốc lá ngoại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: bán buôn nông sản, thu mua, kinh doanh các mặt hàng nông, lâm, hải sản;

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: thu mua kinh doanh các mặt hàng nông, lâm, hải sản;
- Điều hành tour du lịch, chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke);
- Đại lý môi giới, đấu giá, chi tiết: đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa sản phẩm tiêu dùng kỹ thuật: nghe nhìn, điện tử gia dụng, công nghệ thông tin, kỹ thuật số, đại lý bán buôn, bán lẻ hàng hóa, tư liệu về ngành ảnh;
- Hoạt động nhiếp ảnh, chi tiết: dịch vụ tráng, rọi ảnh màu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: xuất nhập khẩu những mặt hàng Công ty kinh doanh, nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu cho chế biến thực phẩm, đồ uống, máy móc, thiết bị, nguyên liệu cho chế biến thực phẩm, đồ uống, máy móc, vật tư thiết bị phụ tùng cho sản xuất công, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các loại hàng tiêu dùng được Nhà nước cho phép, phương tiện vận tải và phương tiện vận chuyển hành khách (mô tô, xe máy); xuất khẩu hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông sản, thủ công mỹ nghệ, hàng thực phẩm chế biến, đồ uống thủy hải sản đông lạnh; xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thủ công mỹ nghệ và hàng công nghiệp (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Trong năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhà hàng, sản xuất kem Thủy Tạ, nước tinh khiết nhãn hiệu Pha Lê bán ra thị trường.

**1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của thị trường du lịch theo mùa vụ, phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ hàng hóa. Khi thị trường mùa du lịch các hoạt động của công ty như kinh doanh nhà hàng, ăn uống, bán kem Thủy Tạ số lượng hàng hóa dịch vụ tiêu thụ lớn thì doanh thu của Công ty gia tăng, ngược lại, khi hết mùa du lịch, số lượng khách đến Hà Nội ít, mức tiêu thụ hàng hóa giảm, các dịch vụ khác cũng giảm theo, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2017, Công ty không có các đơn vị trực thuộc.

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỷ kế toán**

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Tiên Phong tại ngày 31/12/2017.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Tiên Phong tại ngày 31/12/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

**Tiền:** Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

**Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chí.**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

##### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	07
Máy móc thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (Tiếp theo)**

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê kho, bến bãi) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, Kế cả Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội, các Công ty con của công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	3.007.748.778	3.905.049.195
Tiền gửi ngân hàng	198.939.092	1.610.680.325
<b>Tổng</b>	<b>3.206.687.870</b>	<b>5.515.729.520</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>2.251.413.345</b>	<b>2.208.061.761</b>
FIVIMART (Công ty Nhất Nam)	934.876.336	439.954.204
BIG C	12.698.214	45.652.363
Hệ thống Lan Chi	322.404.442	406.932.475
Các đối tượng khác	981.434.353	1.315.522.719
<b>Tổng</b>	<b>2.251.413.345</b>	<b>2.208.061.761</b>

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp hàng không	215.297.000	129.011.360
Công ty TNHH Thiết bị và phụ tùng Bách Khoa	-	1.027.488.000
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Lê	-	180.298.992
Các đối tượng khác	61.003.000	44.580.000
<b>Tổng</b>	<b>276.300.000</b>	<b>1.381.378.352</b>

**5.4 Các khoản phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	12.205.943.444	-	8.319.372.447	-
- Phải thu khác	12.142.043.444	-	8.310.472.447	-
Tiền lương chi vượt đơn giá được trích năm 2014, 2015 và năm 2017	11.826.593.604	-	7.695.593.004	-
Các đối tượng khác	315.449.840	-	614.879.443	-
- Tạm ứng	63.900.000	-	8.900.000	-
<b>Tổng</b>	<b>12.205.943.444</b>	<b>-</b>	<b>8.319.372.447</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**5.5 Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.831.886.069	-	7.947.395.067	-
Công cụ, dụng cụ	13.249.321.397	-	7.779.290.543	-
Chi phí SX KDDD	2.252.883.254	-	2.174.744.104	-
Hàng hóa	3.285.842.811	-	2.940.701.578	-
<b>Tổng</b>	<b>28.619.933.531</b>	<b>-</b>	<b>20.842.131.292</b>	<b>-</b>

**5.6 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2017	20.238.371.423	32.106.538.134	5.065.479.174	57.410.388.731
Tăng trong năm	352.000.000	617.412.732	300.909.091	1.270.321.823
Mua trong năm	-	617.412.732	300.909.091	918.321.823
Xây dựng cơ bản hoàn thành	352.000.000	-	-	352.000.000
Giảm trong năm	1.015.484.490	2.300.373.295	291.747.234	3.607.605.019
Thanh lý, nhượng bán	951.064.490	514.219.295	291.747.234	1.757.031.019
Điều chuyển, phân loại lại sang công cụ dụng cụ	64.420.000	1.786.154.000	-	1.850.574.000
Số dư tại 31/12/2017	<b>19.574.886.933</b>	<b>30.423.577.571</b>	<b>5.074.641.031</b>	<b>55.073.105.535</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2017	12.894.540.340	23.809.551.121	5.001.987.612	41.796.079.073
Tăng trong năm	1.235.343.656	1.440.235.180	64.531.151	2.740.109.987
Khấu hao trong năm	1.235.343.656	1.440.235.180	64.531.151	2.740.109.987
Điều chuyển, phân loại lại	-	-	-	-
Giảm trong năm	956.432.822	908.670.337	291.747.234	2.156.850.393
Thanh lý, nhượng bán	951.064.490	669.540.612	291.747.234	1.912.352.336
Điều chuyển, phân loại lại sang công cụ dụng cụ	5.368.332	239.129.725	-	244.498.057
Số dư tại 31/12/2017	<b>13.173.451.174</b>	<b>24.431.115.964</b>	<b>4.774.771.529</b>	<b>42.379.338.667</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2017	7.343.831.083	8.206.987.013	63.491.562	15.614.309.658
Tại 31/12/2017	<b>6.401.435.759</b>	<b>5.992.461.607</b>	<b>299.869.502</b>	<b>12.693.766.868</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2017 là 25.711.731.174 đồng (tại 31/12/2016 là 26.273.151.601 đồng).

## 5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		31/12/2017			01/01/2017		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			500.000.000	-	-	500.000.000		-
Công ty Cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro			500.000.000	-	-	500.000.000		-
<b>Tổng</b>			<b>500.000.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>

Đầu tư dài hạn khác là góp vốn vào Công ty Cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro (5% vốn điều lệ). Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 08 tháng 8 năm 2009. Công ty không trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư do không có đầy đủ thông tin để đánh giá.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	316.157.460	866.709.735
Các chi phí khác	316.157.460	866.709.735
Dài hạn	5.883.613.845	6.563.193.559
Chi phí công cụ dụng cụ	4.542.741.640	5.223.058.192
Chi sửa chữa văn phòng, quầy hàng	540.669.467	513.896.061
Các khoản khác	800.202.738	826.239.306
<b>Tổng</b>	<b>6.199.771.305</b>	<b>7.429.903.294</b>

**5.9 Phải trả người bán***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	3.376.081.831	3.376.081.831	3.052.396.878	3.052.396.878
Quỹ Hồng Vốn	755.073.555	755.073.555	903.892.987	903.892.987
Các đối tượng khác	2.621.008.276	2.621.008.276	2.148.503.891	2.148.503.891
b. Dài hạn	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>3.376.081.831</b>	<b>3.376.081.831</b>	<b>3.052.396.878</b>	<b>3.052.396.878</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.758.638.662</b>	<b>3.758.638.662</b>	<b>7.802.588.341</b>	<b>5.331.264.947</b>	<b>1.287.315.268</b>	<b>1.287.315.268</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm	3.176.388.662	3.176.388.662	7.245.588.341	5.331.264.947	1.262.065.268	1.262.065.268
Vay đối tượng khác	582.250.000	582.250.000	557.000.000	-	25.250.000	25.250.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>2.442.500.007</b>	<b>2.442.500.007</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>2.536.666.669</b>	<b>1.979.166.676</b>	<b>1.979.166.676</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm	62.500.007	62.500.007	-	666.666.669	729.166.676	729.166.676
Ngân hàng ĐTPT Việt Nam	2.380.000.000	2.380.000.000	3.000.000.000	1.870.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000
<b>Tổng</b>	<b>6.201.138.669</b>	<b>6.201.138.669</b>	<b>10.802.588.341</b>	<b>7.867.931.616</b>	<b>3.266.481.944</b>	<b>3.266.481.944</b>

Hợp đồng tín dụng số 01/26/5/2015, bên cho vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm, số tiền vay 2 tỷ đồng, thời hạn vay 24 tháng (từ 01/6/2015 đến 01/6/2017, mục đích vay mua sắm thiết bị phục vụ kinh doanh Nhà hàng; lãi suất vay lần giải ngân đầu tiên là 10,3%/năm, lãi suất lần sau bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng biên độ 3%/năm. Tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 162/2016/HDTD/LBN/01 ngày 16/12/2016, bên cho vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức 5.000.000.000 đồng. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng, kể từ 16/12/2016. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động nhà hàng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Không áp dụng biện pháp đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 01/2016/134748/HDTD ngày 2/2/2016, bên cho vay: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, số tiền vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày rút khoản vay đầu tiên, mục đích mua tu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh kem. Lãi suất cho vay áp dụng cho kỳ đầu tiên, được xác định từ thời điểm rút vốn vay đến ngày 1/8/2016 là: 10%/năm. Lãi suất điều chỉnh 06 tháng/lần, vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất theo Thông báo lãi suất vay của BIDV. Tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.13 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	30.000.000.000	5.080.498.181	9.309.241.283	44.389.739.464
Tăng trong năm	-	126.146.894	7.387.808.438	7.513.955.332
Lãi trong năm	-	-	7.387.808.438	7.387.808.438
Phân phối lợi nhuận	-	126.146.894	-	126.146.894
Giảm trong năm	-	-	4.672.248.598	4.672.248.598
Trả cổ tức 2015	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	-	-	126.146.894	126.146.894
Trích bổ sung quỹ KTPL 2015	-	-	104.587.575	104.587.575
Trích Phụ cấp HĐQT	-	-	441.514.129	441.514.129
Tạm trích quỹ KTPL năm 2016	-	-	400.000.000	400.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>5.206.645.075</b>	<b>12.024.801.123</b>	<b>47.231.446.198</b>
Số dư tại 01/01/2017	30.000.000.000	5.206.645.075	12.024.801.123	47.231.446.198
Tăng trong năm	-	110.817.127	5.785.627.462	5.896.444.589
Lãi trong năm	-	-	5.785.627.462	5.785.627.462
Phân phối lợi nhuận	-	110.817.127	-	110.817.127
Giảm trong năm	-	-	5.688.780.845	5.688.780.845
Trích quỹ ĐTPT	-	-	110.817.127	110.817.127
Trích quỹ KTPL	-	-	227.963.718	227.963.718
Phụ cấp HĐQT & BKS 2016	-	-	500.000.000	500.000.000
Trả cổ tức 2016	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000
Tạm trích quỹ KPTL 2017	-	-	350.000.000	350.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>5.317.462.202</b>	<b>12.121.647.740</b>	<b>47.439.109.942</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng công ty Thương mại Hà Nội	15.373.500.000	15.373.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	14.626.500.000	14.626.500.000
<b>Tổng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>3.600.000.000</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	577.963.717	504.587.575
Quỹ đầu tư phát triển	110.817.127	126.146.894

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán kem	47.528.922.611	54.047.825.028
Doanh thu Nhà hàng	33.960.546.414	35.158.680.947
Doanh thu bán đá và nước đá	3.978.928.893	4.408.926.832
Doanh thu dịch vụ khác	17.108.305.325	16.843.977.423
<b>Tổng</b>	<b>102.576.703.243</b>	<b>110.459.410.230</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**5.15 Giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chiết khấu thương mại	116.937.409	104.861.233
<b>Tổng</b>	<b>116.937.409</b>	<b>104.861.233</b>

**5.16 Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán kem	47.411.985.202	54.047.825.028
Doanh thu Nhà hàng	33.960.546.414	35.158.680.947
Doanh thu bán đá và nước đá	3.978.928.893	4.408.926.832
Doanh thu dịch vụ khác	17.108.305.325	16.739.116.190
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>102.459.765.834</b>	<b>110.354.548.997</b>

**5.17 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán kem	29.893.098.569	33.804.084.826
Giá vốn Nhà hàng	12.541.927.162	12.614.740.368
Giá vốn bán đá và nước đá	2.715.224.538	3.272.894.492
Giá vốn dịch vụ khác	12.397.576.412	11.448.513.027
<b>Tổng</b>	<b>57.547.826.681</b>	<b>61.140.232.713</b>

**5.18 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.579.989	7.793.258
<b>Tổng</b>	<b>5.579.989</b>	<b>7.793.258</b>

**5.19 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	556.826.398	347.143.711
<b>Tổng</b>	<b>556.826.398</b>	<b>347.143.711</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**5.20 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	117.163.637	639.545.454
Lãi liên doanh liên kết	392.727.270	546.514.544
Thu khác	-	161.681.819
<b>Tổng</b>	<b>509.890.907</b>	<b>1.347.741.817</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt vi phạm hành chính	99.700.806	-
Chi phí khác	-	169.509.208
<b>Tổng</b>	<b>99.700.806</b>	<b>169.509.208</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>410.190.101</b>	<b>1.178.232.609</b>

**5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	7.256.959.529	9.277.137.847
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế:	99.700.806	169.509.208
<i>Chi phí không được trừ</i> <i>(chi phí phạt hành chính)</i>	99.700.806	169.509.208
Thu nhập chịu thuế	7.356.660.335	9.446.647.055
Thu nhập tính thuế	7.356.660.335	9.446.647.055
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.471.332.067	1.889.329.409
<b>Tổng thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>1.471.332.067</b>	<b>1.889.329.409</b>

**5.22 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.785.627.462	7.387.808.438
Trích quỹ khen thưởng	(350.000.000)	(627.963.717)
Phụ cấp HĐQT&BKS		(500.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.435.627.462	6.259.844.721
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.812</b>	<b>2.087</b>

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (8% lợi nhuận sau thuế) và Phụ cấp HĐQT&BKS (7% lợi nhuận sau thuế) năm 2016 được dự kiến bằng với tỷ lệ trích của năm 2015 để tính toán chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu. Mức trích thực tế sẽ được quyết định sau khi có Nghị quyết đại hội cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.423.764.697	46.513.179.696
Chi phí nhân công	19.486.959.000	23.071.152.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.649.208.670	3.188.948.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.951.904.778	27.038.206.008
Chi phí khác bằng tiền	2.773.270.670	2.125.229.606
<b>Tổng</b>	<b>95.285.107.815</b>	<b>101.936.717.106</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Hội đồng quản trị	Thù lao	357.142.857	315.367.235
Ban điều hành	Tiền lương, thưởng	719.054.500	654.267.600

**6.3 Thông tin so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty được kiểm toán. Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh đã được trình bày lại theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông về phân phối lợi nhuận năm 2017. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2016 sau điều chỉnh	Năm 2016 trước điều chỉnh	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.087	2.093	(7)

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Điệp

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2018

Giám đốc



Hoàng Minh Thọ